

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Phiếu số: 723/2026

Khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT
Địa chỉ : Số 164, phố Nguyễn Đức Cảnh, phường Tương Mai, TP.Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT tại số 164, phố Nguyễn Đức Cảnh, phường Tương Mai, TP.Hà Nội
Loại mẫu : Không khí
Mã mẫu: 16062026.15 – 16062026.16
Thời gian lấy mẫu : 16/6/2026
Thời gian thử nghiệm: 16/6/2026 – 02/7/2026

STT	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả		QCVN 05:2023/BTNMT	
				K4	K5	Bảng 1	Bảng 2
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2022/BTNMT	°C	31,7	30,6	-	-
2	Độ ẩm	QCVN 46:2022/BTNMT	%	74,9	76,3	-	-
3	Vận tốc gió	QCVN 46:2022/BTNMT	m/s	0,4	0,8	-	-
4	Hướng gió	QCVN 46:2022/BTNMT	-	ĐN	ĐN	-	-
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	233	211	300	-
6	SO ₂	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	137	134	350	-
7	CO	HDPTXQ-CO-01	µg/Nm ³	<5.000	<5.000	30.000	-
8	NO ₂	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	76	73	200	-
9	Benzen ^(*)	NIOSH 1501	µg/Nm ³	<3	<3	-	22
10	Toluen ^(*)	NIOSH 1501	µg/Nm ³	<6	<6	-	500
11	Xylen ^(*)	NIOSH 1501	µg/Nm ³	<9	<9	-	1.000
12	Tiếng ồn tương đương L _{eq}	TCVN 7878-2:2018	dBA	68,3	60,4	70 ⁽¹⁾	

Ghi chú:

(-): không quy định

(*) : chỉ tiêu thực hiện bởi nhà thầu phụ, là Viện khoa học công nghệ năng lượng và môi trường, mã số VIMCERTS 079

1. Vị trí lấy mẫu:

- **K4**: Mẫu không khí tại vị trí phía trước phân xưởng lắp ráp và kho

Tọa độ: X: 2321683

Y: 588487

- **K5**: Mẫu không khí tại vị trí tiếp giáp phân xưởng tắm sấy mới, gần nhà để xe, đối diện nhà máy nước

Tọa độ: X: 2321685

Y: 588563

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận mẫu.

- Các vấn đề liên quan đến kết quả phân tích được giải quyết trong thời hạn lưu mẫu (07 ngày kể từ ngày nhận mẫu).

- Phiếu kết quả này không có giá trị nếu copy không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Quan trắc và kỹ thuật môi trường.

- Dấu "...": Không quy định.

- Dấu "*": Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

DAE-P-F.12/02

Lần ban hành: 02.25

Trang: 1/2



VIMCERTS 297

CÔNG TY CỔ PHẦN QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: 10A, Ngõ 52, đường Trần Phú – Phường Phú Lý – Tỉnh Ninh Bình

Hotline: 0826.566.366

Website: <https://dacco.com.vn/>

2. Quy chuẩn so sánh:

QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí

Bảng 1: giá trị giới hạn tối đa các thông số cơ bản trong không khí xung quanh-TB 1h

Bảng 2: giá trị giới hạn tối đa một số chất độc hại trong không khí xung quanh-TB 1h

(1): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

Ninh Bình, ngày 02 tháng 7 năm 2026

TM. PHÒNG PT MÔI TRƯỜNG
TRƯỞNG PHÒNG

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Thị Dung



PHÓ GIÁM ĐỐC
LẠI NGỌC QUANG

DAECO

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận mẫu.
- Các vấn đề liên quan đến kết quả phân tích được giải quyết trong thời hạn lưu mẫu (07 ngày kể từ ngày nhận mẫu).
- Phiếu kết quả này không có giá trị nếu copy không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Quan trắc và kỹ thuật môi trường.
- Dấu "-": Không quy định.
- Dấu "*": Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

DAE-P-F.12/02

Lần ban hành: 02.25

Trang: 2/2



VIMCERTS 297

CÔNG TY CỔ PHẦN QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: 10A, Ngõ 52, đường Trần Phú – Phường Phú Lý – Tỉnh Ninh Bình
 Hotline: 0826.566.366 Website: <https://daeco.com.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Phiếu số: 720/2026

Khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THÔNG NHẤT
Địa chỉ : Số 164, phố Nguyễn Đức Cảnh, phường Tương Mai, TP. Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THÔNG NHẤT tại số 164, phố Nguyễn Đức Cảnh, phường Tương Mai, TP. Hà Nội
Loại mẫu : Nước thải
Thời gian lấy mẫu : 16/6/2026
Mã mẫu: 16062026.10
Thời gian thử nghiệm: 16/6/2026 – 30/6/2026

STT	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCTĐHN 02:2014/BTNMT Cột B
				NT.DC.1	
1	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	°C	31,6	40
2	pH	TCVN 6492:2011	-	7,44	5,5-9
3	BOD ₅ (20°C)	TCVN 6001-1:2021	mg/L	19,1	50
4	COD	SMEWW 5220C:2023	mg/L	46,4	150
5	TSS	TCVN 6625:2000	mg/L	12,1	100
6	As	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,002	0,1
7	Hg	SMEWW 3112B:2023	mg/L	<0,0003	0,01
8	Pb	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,002	0,5
9	Cd	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,0002	0,1
10	Cr (VI)	SMEWW 3500Cr.B:2023	mg/L	<0,004	0,1
11	Mn	SMEWW 3111B:2023	mg/L	<0,01	1
12	Xyanua (CN) ⁻	SMEWW 4500-CN.C&E:2023	mg/L	<0,002	0,1
13	Tổng Nitơ	TCVN 6638:2000	mg/L	4,8	40
14	Tổng Phospho	TCVN 6202:2008	mg/L	0,059	6
15	Tổng dầu, mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	1,3	10
16	Tổng Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN/100ml	2.600	5.000

Ghi chú:

(*) : chỉ tiêu thực hiện bởi nhà thầu phụ, là Công ty Cổ phần Đào tạo và Tư vấn Môi trường HTC, mã số VIMCERTS 343.

1. Vị trí lấy mẫu:

- NT.DC.1: Mẫu nước thải tại vị trí sau HTXL nước thải sản xuất trước khi chảy vào rãnh thoát nước thải của Công ty. Tọa độ: X: 2321550 Y: 588584

2. Quy chuẩn so sánh: QCTĐHN 02:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội, cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Ninh Bình, ngày 02 tháng 7 năm 2026

TM. PHÒNG PT MÔI TRƯỜNG
TRƯỞNG PHÒNG

Trần Thị Dung

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

LAI NGỌC QUANG

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận mẫu.
 - Các vấn đề liên quan đến kết quả phân tích được giải quyết trong thời hạn lưu mẫu (07 ngày kể từ ngày nhận mẫu).
 - Phiếu kết quả này không có giá trị nếu copy không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Quan trắc và kỹ thuật môi trường.
 - Dấu ".*": Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
 DAE-P-F.12/02

Lần ban hành: 02.25

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Phiếu số: 721/2026

Khách hàng

Địa chỉ

Địa điểm lấy mẫu

Loại mẫu

Thời gian lấy mẫu

: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THÔNG NHẤT

: Số 164, phố Nguyễn Đức Cảnh, phường Tương Mai, TP. Hà Nội

: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THÔNG NHẤT tại số 164, phố Nguyễn Đức Cảnh, phường Tương Mai, TP. Hà Nội

: Nước thải

: 16/6/2026

Mã mẫu: 16062026.11

Thời gian thử nghiệm: 16/6/2026 – 23/6/2026

STT	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
				NT.DC.2	
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,52	5-9
2	TDS	QT-HT.02	mg/L	406	1.000
3	TSS	TCVN 6625:2000	mg/L	15,2	100
4	BOD ₅ (20°C)	TCVN 6001-1:2021	mg/L	20,9	50
5	Sunfua (S ²⁻)	SMEWW 4500-S ₂ .B&D:2023	mg/L	<0,02	4
6	NH ₄ ⁺ _N	TCVN 6179-1:1996	mg/L	1,06	10
7	NO ₃ ⁻ _N	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	mg/L	1,69	50
8	PO ₄ ³⁻ _P	TCVN 6202:2008	mg/L	0,041	10
9	Chất hoạt động bề mặt	SMEWW 5540.B&C:2023	mg/L	0,059	10
10	Dầu, mỡ động thực vật	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	1,5	20
11	Tổng Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN/100ml	1.100	5.000

Ghi chú:

1. Vị trí lấy mẫu:

- NT.DC.2: Mẫu nước thải tại vị trí sau HTXL nước thải sinh hoạt trước khi chảy vào rãnh thoát nước thải của Công ty. Tọa độ: X: 2321551 Y: 588584

2. Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Ninh Bình, ngày 02 tháng 7 năm 2026

TM. PHÒNG PT MÔI TRƯỜNG
TRƯỞNG PHÒNG



Trần Thị Dung

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
LẠI NGỌC QUANG

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm tại thời điểm nhận mẫu.
- Các vấn đề liên quan đến kết quả phân tích được giải quyết trong thời hạn lưu mẫu (07 ngày kể từ ngày nhận mẫu).
- Phiếu kết quả này không có giá trị nếu copy không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Quan trắc và kỹ thuật môi trường.
- Dấu "-": Không quy định.
- Dấu "*": Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

DAE-P-F.12/02

Lần ban hành: 02.25

Trang: 1/1